TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18-9-2020
V/v ly hôn giữa anh A và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoan
Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọ Thị Thanh Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 221/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 08 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn A, sinh năm 1966 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện LN, tỉnh BG.
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện LN, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 30/5/2020 cùng các lời khai nguyên đơn anh Phạm Văn A trình bày như sau: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T ngày 27/02/2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận và tự nguyện lấy nhau. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại gia đình anh ở thôn M, xã Y, huyện LN, tỉnh BG. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T bị hoang tưởng không gần gũi với anh em họ hàng và không cần đến ai, thường xuyên cãi nhau với con gái riêng của anh, anh khuyên bảo nhiều lần nhưng chị T không nghe. Anh và chị T đã ly thân từ tháng 09/2019 đến nay, hai bên không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh chưa có con chung.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Văn A vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị T đã được Toà án giao, tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng hết thời hạn được quy định chị T không có ý kiến, quan điểm và chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Toà án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự anh A chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Chị T không chấp hành đúng việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T vắng mặt lần 2 không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn A được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung, về tài sản, công nợ, ruộng canh tác*:* Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập và tống đạt các văn bản theo quy định của pháp luật.Tại phiên Tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T vắng mặt lần 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phạm Văn A kết hôn với chị Nguyễn Thị T ngày ngày 27/02/2019 đăng ký kết hôn tại UBND xã Y. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận và tự nguyện đến với nhau. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại gia đình anh A ở thôn Mai Thưởng, xã Y, huyện Lục Nam, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 09/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có chung tiếng nói trong cuộc sống, hai bên đã ly thân từ đó cho đến nay. Phía anh A xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Phía chị T không có ý kiến gửi Tòa án. Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A, HĐXX thấy: Qua kết quả xác minh với chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng chị T, anh A trong cuộc

sống có mâu thuẫn như anh A trình bày là đúng. Thực tế mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh A, chị T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Phạm Văn A được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng anh Phạm Văn A và chị Nguyễn Thị T không có con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác:* Anh Phạm Văn A không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm,thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Phạm Văn A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phạm Văn A, chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn A được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. *Về án phí:* Anh Phạm Văn A phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0004778 ngày 28/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Công Định

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Thị Yến – Từ Minh Hải	**Đặng Công Định**